

Số: 1993/TTCP-PC

V/v đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định quy định CSDL quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Kế hoạch xây dựng thể chế năm 2021 của Thanh tra Chính phủ, sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương vào dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp cho ý kiến thẩm định vào dự thảo Nghị định này.

Văn bản thẩm định xin gửi về Thanh tra Chính phủ theo địa chỉ: Lô D29, đường Phạm Văn Bạch, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trân trọng. 

Nơi nhận: Mr. Huu

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Trần Ngọc Liêm;
- Lưu VT, PC.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Trần Ngọc Liêm

Số: 1991/BC-TTCP

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương vào dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Ngày 9/8/2021, Thanh tra Chính phủ có văn bản số 1267/TTCP-PC gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Đến nay, Thanh tra Chính phủ đã nhận được 80 văn bản góp ý của 22 Bộ, ngành và 58 địa phương. Qua tổng hợp, nghiên cứu các văn bản góp ý, Thanh tra Chính phủ thấy về cơ bản, các ý kiến đều nhất trí với bối cảnh, nội dung của dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình và có thêm các ý kiến góp ý cụ thể nhằm hoàn thiện các Dự thảo. Thanh tra Chính phủ báo cáo Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình như sau:

1. Về xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu (Mục 1 Chương II)

1.1. Về thông tin được cập nhật (Điều 6)

- Có nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc bỏ việc cập nhật thông tin “Họ, tên, địa chỉ của người tố cáo” tại điểm a, khoản 5, Điều 6 để đảm bảo việc giữ bí mật thông tin người tố cáo theo quy định pháp luật.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ giải trình như sau: Việc cập nhật các thông tin này trong Cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ công tác giải quyết tố cáo và quản lý nhà nước về công tác giải quyết tố cáo được thuận lợi. Các thông tin được cập nhật không được công khai, mà chỉ những người có thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết tố cáo mới được khai thác. Việc quản lý, sử dụng các dữ liệu này phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ thông tin cá nhân đã được quy định tại khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị định. Do đó, việc cập nhật thông tin về người tố cáo vẫn đảm bảo giữ bí mật theo quy định của pháp luật tố cáo. Vì vậy, đề nghị được giữ nguyên nội dung này như trong Dự thảo.

- Có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung, chỉnh lý các thông tin phải cập nhật theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCP hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung các thông tin được cập nhật, cụ thể như sau:

Đối với thông tin về tiếp công dân (khoản 1): Các ý kiến đề nghị sửa “Tên công dân” thành “Họ tên, địa chỉ của công dân” và bổ sung “Nội dung thông tin người tiếp công dân”, “Kết quả tiếp công dân”, “Thông tin ngày tiếp công dân”.

Đối với thông tin về xử lý đơn thư (khoản 2): Các ý kiến đề nghị bổ sung

“Tóm tắt nội dung đơn thư”, “Kết quả xử lý”, “Số đơn không đủ điều kiện xử lý”, “Đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết”, “Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đơn”, “Số đơn rút”, “Số đơn xếp lưu”, “Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận đơn”.

Đối với thông tin về kiến nghị, phản ánh (khoản 3): Các ý kiến đề nghị sửa “Họ tên, địa chỉ của người kiến nghị, phản ánh” thành “Thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị, phản ánh”, và bổ sung thông tin “Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh”, “Ngày nhận đơn”.

Đối với thông tin về khiếu nại, tố cáo (khoản 4, 5): Các ý kiến đề nghị bổ sung “Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại”, “Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo”, “Kết quả giải quyết khiếu nại”, “Kết quả tiếp, đối thoại sau giải quyết”, “Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại”, “Quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo”, “Họ tên, địa chỉ người được ủy quyền”, “Ngày nhận đơn”, “Thời gian, quá trình giải quyết khiếu nại/tố cáo”, “Công chức bị kỷ luật vi phạm quy định về giải quyết khiếu nại/tố cáo”.

Đối với các loại báo cáo và các số liệu thống kê khác (khoản 6): Có một số ý kiến đề nghị không quy định vì Thông tư số 02/2021/TT-TTCP đã quy định các loại báo cáo này và được cập nhật, lưu trữ trên phần mềm “Hệ thống báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng” hoặc sửa lại thành “Báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về tiếp công dân...” để phù hợp với quy định chế độ báo cáo tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp thu các ý kiến góp ý và căn cứ vào phần mềm hệ thống Cơ sở dữ liệu đã được Thanh tra Chính phủ xây dựng, đang được các Bộ, ngành, địa phương sử dụng, Điều 6 của dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với quy định về quản lý nhà nước công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

1.2. Vụ việc được cập nhật (Điều 7)

- Có nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc, lựa chọn quy định mốc thời gian cập nhật các vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo trước ngày Nghị định này có hiệu lực (đoạn 1, khoản 2 Điều 7 của Dự thảo quy định cập nhật từ ngày 01/7/2012 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực). Cụ thể: Đề nghị chỉ quy định cập nhật các vụ việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành bởi việc cập nhật lại các hồ sơ và thông tin đã giải quyết từ năm 2012 đến nay sẽ gặp rất nhiều khó khăn, do không có nhân lực thực hiện; có một số ý kiến đề nghị lấy mốc thời gian là từ ngày 15/3/2018 (ngày có văn bản của Thanh tra Chính phủ yêu cầu sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về khiếu nại, tố cáo do Thanh tra Chính phủ xây dựng); có ý kiến đề nghị lấy mốc thời gian từ ngày 01/7/2015; có ý kiến đề nghị lấy mốc thời điểm từ ngày 01/01/2020 vì mốc thời điểm này là bắt đầu nhiệm kỳ 2020-2025.

Về vấn đề này, sau khi nghiên cứu và để phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện, dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý theo hướng quy định cập nhật đối với vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc

2. Trách nhiệm quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu (Mục 2 Chương II)

2.1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh (Điều 14)

Có một số ý kiến đề nghị quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu, chứ không chỉ quy định cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật, phù hợp với phân cấp quản lý, phần mềm đang sử dụng và đảm bảo tính kịp thời trong quá trình nhập dữ liệu, không làm lộ danh tính người tố cáo.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau: Khoản 3 Điều 11 của dự thảo Nghị định quy định các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm *tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý của mình cập nhật vào Cơ sở dữ liệu*. Vì vậy, tiếp thu ý kiến góp ý, trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 11, dự thảo Nghị định đã được tiếp thu, chỉnh lý. Theo đó, khoản 1 Điều 13 Dự thảo quy định: cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Về thẩm quyền, phạm vi khai thác (Điều 15)

- Có một số ý kiến đề nghị bỏ sung thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu của cơ quan cấp huyện vì Điều 15 Dự thảo có quy định cơ quan cấp huyện có trách nhiệm cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau: Khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định quy định “Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình”. Như vậy, Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng có thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình. Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc sẽ có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 15 của dự thảo Nghị định.

- Có ý kiến cho rằng quy định “Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình” (khoản 1 Điều 15) là hẹp, không thuận lợi trong việc tra cứu thông tin trước khi xử lý đơn, hạn chế việc chuyển đơn trùng lắp. Cơ sở dữ liệu cần được dùng chung cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có nhu cầu khai thác.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ đề nghị được giữ nguyên như dự thảo Nghị định, bởi lẽ Cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Vì vậy, việc quy định thẩm quyền và phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu tại Điều 15 dự thảo Nghị định là phù hợp.

- Có nhiều ý kiến đề nghị quy định chi tiết tại điểm d, khoản 2 Điều 15 để áp dụng thống nhất.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ đề nghị được giữ nguyên như dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan và đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

2.3. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp

Có một số ý kiến đề nghị xem xét lại việc quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp tại Điều 12 và Điều 17 của Dự thảo, bởi vì theo quy định của Luật Tiếp công dân, các trách nhiệm này thuộc Ban Tiếp công dân.

Về vấn đề này, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau: Theo quy định của pháp luật về thanh tra, cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nội dung chủ yếu và quan trọng của Cơ sở dữ liệu quốc gia này là các thông tin, dữ liệu về khiếu nại, tố cáo. Do đó, việc quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra trong việc cập nhật, khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu là phù hợp và cần thiết. Tuy nhiên, để phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp công dân, dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý tại Điều 12 theo hướng: Cơ quan thanh tra giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp *tổ chức* việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu. Như vậy, tùy vào điều kiện, tình hình địa phương, đối với thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, cơ quan thanh tra các cấp có thể *tổ chức*, phối hợp với Ban Tiếp công dân cùng cấp cập nhật.

Ngoài ra, các ý kiến góp ý khác về cách diễn đạt, kỹ thuật trình bày văn bản,... đã được Thanh tra Chính phủ nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý vào dự thảo Nghị định.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương vào dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. 

Nơi nhận: Mr. A

- Bộ Tư pháp;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Lưu VT, PC.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Trần Ngọc Liêm

THANH TRA CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:**1992**/TTr-TTCP

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia
về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết
khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021, Thanh tra Chính phủ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Ngày 25 tháng 11 năm 2013, Quốc hội ban hành Luật Tiếp công dân trong đó tại khoản 1 Điều 33 quy định: “Nhà nước có chính sách, bảo đảm kinh phí đối với hoạt động tiếp công dân, áp dụng công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật khác để xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân phục vụ công tác tiếp công dân”. Cụ thể hóa quy định này, khoản 3 Điều 18 của Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân quy định: “Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để kết nối trên phạm vi cả nước”. Các quy định này đặt ra nhiệm vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác này. Theo yêu cầu của Luật Công nghệ thông tin, việc quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia và xây dựng, cập nhật, duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia, ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc thẩm quyền của Chính phủ (khoản 4 Điều 58).

Thực hiện các quy định trên, Thanh tra Chính phủ đã xây dựng Cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

(gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) và bước đầu đã đưa vào sử dụng trên toàn quốc từ ngày 15/3/2018. Đến nay, đã có 81/93 Bộ, ngành, địa phương sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu, 12/93¹ Bộ, ngành, địa phương chưa cập nhật các vụ việc khiếu nại, tố cáo vào hệ thống Cơ sở dữ liệu. Việc xây dựng và sử dụng Cơ sở dữ liệu này nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và xử lý đơn thư, qua đó hạn chế tình trạng đơn thư trùng lặp và tạo thuận lợi cho công tác quản lý, theo dõi, thống kê, tổng hợp và xây dựng báo cáo về công tác này.

Bên cạnh những mặt tích cực, việc triển khai xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu về khiếu nại, tố cáo gặp khó khăn, vướng mắc do hiện nay chưa có Nghị định của Chính phủ quy định cụ thể về việc cập nhật, duy trì, kết nối, chia sẻ và khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu, chưa có quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương phải cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu để hình thành dữ liệu chung thống nhất, đầy đủ từ Trung ương đến địa phương.

Từ các lý do trên, việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là cần thiết, nhằm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về vấn đề này.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, với chủ trương, chính sách của Đảng và quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quy định rõ, cụ thể nội dung của Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Đảm bảo cơ cấu, bố cục chặt chẽ, hợp lý; nội dung có tính khả thi, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; phù hợp với thực tế, điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước hiện nay; phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và phục vụ thiết thực cho việc quản lý công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ giao, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-TTCP ngày 17/6/2021 thành lập Ban soạn thảo và Tổ

¹ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Hàn lâm và Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Bắc Kạn.

biên tập dự thảo Nghị định với thành viên là đại diện các cơ quan: Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc xây dựng dự thảo Nghị định bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan; đánh giá tác động, đánh giá về thủ tục hành chính của Dự thảo Nghị định.

2. Gửi văn bản xin ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và đăng tải Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Thanh tra Chính phủ để lấy ý kiến của Nhân dân. Đến nay, Thanh tra Chính phủ đã nhận được 80 văn bản góp ý, bao gồm của 22 Bộ, ngành và 58 địa phương. Về cơ bản, các ý kiến đều nhất trí với bộ cục, nội dung của dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình và có các ý kiến góp ý cụ thể nhằm hoàn thiện thêm các Dự thảo. Trên cơ sở đó, Thanh tra Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

3. Gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định; chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ xem xét, thông qua.

Hồ sơ trình gồm: Tờ trình, Dự thảo Nghị định, Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ, ngành, địa phương, bản sao chụp ý kiến của Bộ, ngành, địa phương.

IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ cục

Dự thảo Nghị định gồm 03 chương, 21 điều, cụ thể như sau: Chương I. Những quy định chung, từ Điều 1 đến Điều 5; Chương II. Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, từ Điều 6 đến Điều 19 và được chia làm 2 Mục. Mục 1 quy định về xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu, Mục 2 quy định về trách nhiệm quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu; Chương III. Điều khoản thi hành, từ Điều 20 đến Điều 21.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Trên cơ sở quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan, dự thảo Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh gồm: Việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở

dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

Dự thảo Nghị định xác định đối tượng áp dụng gồm: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan thanh tra nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2.2. Về Cơ sở dữ liệu

Dự thảo đưa ra quy định nhằm định nghĩa Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Quy định này xác định nội dung thông tin của Cơ sở dữ liệu và việc tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu. Theo đó, tại Điều 3 của dự thảo Nghị định quy định:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là tập hợp thông tin về việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

- Cơ sở dữ liệu được xây dựng, quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ và được tổ chức cập nhật, khai thác tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện) nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2.3. Về nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

Để định hướng cho việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu, Dự thảo đưa ra các nguyên tắc chung về vấn đề này. Đây là các quy định khung nhằm bảo đảm cho các nội dung của Nghị định phù hợp với các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, quy định

pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật cá nhân, quy định về xây dựng Chính phủ điện tử. Bên cạnh đó, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng thẩm quyền, mục đích theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu chặt chẽ, an toàn, ổn định và thông suốt.

2.4. Về xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu

Đây là nội dung chính của Dự thảo Nghị định, trong đó xác định các thông tin, thời điểm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu. Dự thảo quy định về thông tin được cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng trong Cơ sở dữ liệu tại Điều 6, vụ việc được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tại Điều 7, thời điểm nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu tại Điều 8 và cập nhật bổ sung, điều chỉnh thông tin tại Điều 9. Cụ thể như sau:

Về thông tin được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia: Trên thực tế, phần mềm nghiệp vụ được tích hợp trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo đang triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương đã xác định các trường thông tin cần được cập nhật trên cơ sở các quy định pháp luật có liên quan. Do đó, Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định các trường thông tin phù hợp với Cơ sở dữ liệu hiện nay và có bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Các thông tin này được quy định cụ thể để tạo cơ sở pháp lý cho việc chuẩn hóa và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu.

Về vụ việc cập nhật và thời điểm cập nhật: Điều 7, Điều 8 của dự thảo Nghị định quy định loại vụ việc được cập nhật và thời điểm cập nhật, gồm 03 nhóm: (1) Việc tiếp công dân, xử lý đơn thư; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kiến nghị, phản ánh; vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại, vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật. Nhóm vụ việc này được cập nhật ngay sau khi có thông báo thụ lý, có quyết định thụ lý hay văn bản tiếp nhận xử lý kiến nghị, phản ánh; (2) Vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo kể từ ngày 15/3/2018 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật thì thực hiện cập nhật trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật; và (3) Vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài không thuộc các trường hợp trên được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ thì thực hiện cập nhật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

2.5. Về trách nhiệm quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu

Dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu. Theo đó, các cơ quan có trách

nhiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu thông qua việc cập nhật, quản lý dữ liệu do mình cập nhật và thực hiện khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu. Cụ thể như sau:

Về trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ: Theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Thanh tra Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi cả nước, đồng thời cũng là cơ quan có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vụ việc thuộc phạm vi thẩm quyền của mình. Vì vậy, Điều 10 của dự thảo Nghị định quy định Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quản trị hệ thống Cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa và hướng dẫn kết nối, đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan; cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia do mình cập nhật, quản lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất việc cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia trên phạm vi toàn quốc; thực hiện kiểm tra, thanh tra trách nhiệm trong việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu với hệ thống báo cáo của Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là các cơ quan vừa có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, vừa có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình. Điều 11 của dự thảo Nghị định quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan này. Điều 12 của dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp trong việc giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu. Điều 13 của dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Theo đó, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

Về thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu: Điều 14 của dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu. Theo đó, các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Bên cạnh đó, để phục vụ công tác quản lý, giám sát về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, dự thảo Nghị định quy định cụ thể các chủ thể được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu. Tại Điều 15 của dự thảo Nghị định quy định về thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu.

Về trách nhiệm cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu: Điều 16 của dự thảo Nghị định quy định Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo phạm vi quản lý. Khoản 3 Điều 15 của Dự thảo cũng quy định cơ quan có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nếu người yêu cầu không có thẩm quyền hoặc nếu có căn cứ cho rằng yêu cầu cung cấp thông tin đó trái pháp luật, vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Về quản lý, bảo vệ Cơ sở dữ liệu: Điều 17 của dự thảo Nghị định quy định vấn đề này theo hướng mang tính nguyên tắc chung và giao cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý Cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, lưu trữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu.

Về kết nối, chia sẻ dữ liệu: Để bảo đảm thực hiện theo tinh thần xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới xây dựng Chính phủ số, Điều 18 của dự thảo Nghị định quy định mang tính nguyên tắc về việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về đầu tư xây dựng và duy trì Cơ sở dữ liệu: Do việc xây dựng Cơ sở dữ liệu này để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, là cơ sở dữ liệu có quy mô và tính chất quốc gia nên Điều 19 của dự thảo Nghị định quy định kinh phí đầu tư xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia được bảo đảm bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; kinh phí thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, cơ quan, đơn vị nhà nước ở địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: hàng

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.



**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**

Trần Ngọc Liêm

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan thanh tra nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là tập hợp thông tin về việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền, được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu được xây dựng, quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ và được tổ chức cập nhật, khai thác tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện) nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ thông tin cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin.

3. Bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và đúng thẩm quyền, mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm việc quản lý, vận hành chặt chẽ, an toàn, ổn định và thông suốt.

Điều 5. Những hành vi nghiêm cấm

1. Cố ý không cập nhật hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu không đầy đủ, không chính xác; làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái pháp luật trong Cơ sở dữ liệu.

2. Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu.

3. Khai thác, sử dụng, tiết lộ thông tin trong Cơ sở dữ liệu trái pháp luật hoặc lợi dụng việc cung cấp thông tin để trực lợi.

4. Phá hủy, phá hoại, làm hư hỏng hoặc hủy hoại hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu.

Chương II

XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, QUẢN LÝ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Mục 1

XÂY DỰNG, CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 6. Thông tin được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu

1. Thông tin về tiếp công dân:

- a) Họ tên, địa chỉ của công dân;
- b) Nội dung, kết quả tiếp công dân;
- c) Số lượt tiếp công dân;
- d) Số lượng người được tiếp.

2. Thông tin về xử lý đơn thư:

- a) Số lượng đơn tiếp nhận (phân theo các loại sau: Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, đơn có nhiều nội dung khác nhau);
- b) Số đơn đủ điều kiện xử lý;
- c) Số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết;
- d) Số đơn phải chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền theo phân loại (Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; cơ quan hành chính nhà nước; cơ

quan tiến hành tố tụng, thi hành án; Kiểm toán nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo; đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước; các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác).

- d) Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đơn;
- e) Số đơn rút;
- g) Số đơn xếp lưu.

3. Thông tin về kiến nghị, phản ánh:

- a) Họ tên, địa chỉ của người kiến nghị, phản ánh;
- b) Tóm tắt nội dung kiến nghị, phản ánh;
- c) Kết quả xử lý kiến nghị, phản ánh.

4. Thông tin về khiếu nại:

- a) Họ tên, địa chỉ của người khiếu nại;
- b) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại;
- c) Tóm tắt nội dung khiếu nại và tình hình giải quyết khiếu nại;
- d) Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;
- đ) Kết quả thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

5. Thông tin về tố cáo:

- a) Họ tên, địa chỉ của người tố cáo;
- b) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tố cáo;
- c) Tóm tắt nội dung tố cáo và tình hình giải quyết tố cáo;
- d) Kết luận nội dung tố cáo; quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;
- đ) Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

6. Báo cáo định kỳ, báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh và các số liệu thống kê khác theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 7. Vụ việc được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu

1. Việc tiếp công dân, xử lý đơn thư; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kiến nghị, phản

ánh; vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại, vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

2. Vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

3. Vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 8. Thời điểm nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu

1. Đối với vụ việc được quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm bắt đầu cập nhật ngay sau khi có thông báo thụ lý khiếu nại, quyết định thụ lý tố cáo hoặc tiếp nhận xử lý kiến nghị, phản ánh và cập nhật trong quá trình tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh.

2. Đối với vụ việc được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm tổ chức cập nhật trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

3. Đối với vụ việc được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định này, cơ quan có trách nhiệm cập nhật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

Điều 9. Cập nhật bổ sung, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện thông tin trong Cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chính xác hoặc có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ, tài liệu nghiệp vụ bằng giấy thì cơ quan cập nhật dữ liệu phải tiến hành kiểm tra, cập nhật bổ sung, điều chỉnh.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 10. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Tổ chức xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật, quản trị hệ thống Cơ sở dữ liệu.

2. Giao Ban Tiếp công dân trung ương thực hiện việc cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo,

kiến nghị, phản ánh vào Cơ sở dữ liệu. Các đơn vị khác thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu những vụ việc được giao chủ trì giải quyết vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ Cơ sở dữ liệu do mình cập nhật, quản lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn việc cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; chuẩn hóa và hướng dẫn kết nối, đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

5. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

6. Thực hiện chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo; phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu với hệ thống báo cáo của Chính phủ, Trung tâm Thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

1. Tổ chức cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền vào Cơ sở dữ liệu.

2. Chỉ đạo cập nhật, thông báo kịp thời khi có sự thay đổi hoặc có sai sót thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý của mình cung cấp thông tin để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

4. Khai thác, quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do cơ quan mình cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

5. Cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ Cơ sở dữ liệu do mình cập nhật, quản

lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

6. Đảm bảo nguồn lực cho hoạt động thu thập, cập nhật, khai thác, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình.

7. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm đối với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình trong việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp

1. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

2. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do mình thu thập, cung cấp để phục vụ công tác quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu

1. Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc vào Cơ sở dữ liệu được khai thác thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi cập nhật của cơ quan mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ, các Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

b) Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng ở Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Ban Dân nguyện, Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

c) Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy và các Ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thủ tục yêu cầu và thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện yêu cầu bằng văn bản, trong đó xác định rõ nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp, mục đích khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

2. Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu xem xét, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu, bảo đảm đúng nội dung, đối tượng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vì lý do khách quan mà chưa thể cung cấp được thông tin, dữ liệu theo yêu cầu thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu có quyền từ chối yêu cầu trong các trường hợp sau:

a) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này;

b) Khi có căn cứ cho rằng yêu cầu đó trái pháp luật, vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 16. Trách nhiệm cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

2. Thanh tra bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Bộ trưởng.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm c, d khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 17. Quản lý, bảo vệ Cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý Cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, lưu trữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu.

Điều 18. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của các cơ quan có thẩm quyền được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 19. Đầu tư xây dựng và duy trì Cơ sở dữ liệu

1. Kinh phí đầu tư xây dựng Cơ sở dữ liệu được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật thông tin, dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, cơ quan, đơn vị nhà nước ở địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Thanh tra Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước, người có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn thư,



Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo
Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý
đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh**

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Thanh tra Chính phủ xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định như sau:

I. CÁC LUẬT CÓ LIÊN QUAN**1. Luật Tiếp công dân 2013**

Điều 33 của Luật Tiếp công dân quy định “Nhà nước có chính sách, bảo đảm kinh phí đối với hoạt động tiếp công dân, áp dụng công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật khác để xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân phục vụ công tác tiếp công dân”.

Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh: “Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh”.

2. Luật Giao dịch điện tử 2005

Khoản 4 Điều 4 của Luật Giao dịch điện tử quy định “Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử”.

Khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị định quy định: “Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là tập hợp thông tin về việc khiếu nại,

tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền, được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan”.

3. Luật An toàn thông tin mạng 2015

Khoản 1 Điều 26 Luật An toàn thông tin mạng quy định: “ Khi thiết lập, mở rộng và nâng cấp hệ thống thông tin quan trọng quốc gia phải thực hiện kiểm định an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành, khai thác”.

Điều 17 dự thảo Nghị định quy định về quản lý, bảo vệ Cơ sở dữ liệu như sau:

“1. Cơ sở dữ liệu được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý Cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, lưu trữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu”.

4. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

Khoản 1 Điều 9 của Luật Tiếp cận thông tin quy định phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin như sau: “Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định...”.

Điều 16 của dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu cụ thể như sau:

“1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

2. Thanh tra bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Bộ trưởng.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu tại điểm c, d khoản 2 Điều 14 của Nghị định này”.

5. Luật Thanh tra 2010

Khoản 3 Điều 15 của Luật Thanh tra quy định nhiệm vụ quyền hạn của Thanh tra Chính phủ: “Quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về

khiếu nại, tố cáo”.

Điều 10 của dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ trong việc xây dựng, quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu. Cụ thể như sau:

“1. Tổ chức xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật, quản trị hệ thống Cơ sở dữ liệu.

2. Giao Ban Tiếp công dân trung ương thực hiện việc cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh vào Cơ sở dữ liệu. Các đơn vị khác thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu những vụ việc Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ giao chủ trì thực hiện vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cung cấp thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ Cơ sở dữ liệu do mình cập nhật, quản lý theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn việc cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; chuẩn hóa và hướng dẫn kết nối, đồng bộ với các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

5. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

6. Thực hiện chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo; phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối Cơ sở dữ liệu với hệ thống báo cáo của Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm chia sẻ, cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin hỗ trợ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao”.

6. Luật Khiếu nại 2011

Tại khoản 1, 2 Điều 25 của Luật Khiếu nại quy định thẩm quyền của Chánh thanh tra các cấp trong việc giải quyết khiếu nại. Cụ thể như sau:

“1. Giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp khi được giao.

2. Giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật”.

Điều 12 của dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp trong việc:

“1. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

2. Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình”.

7. Luật Tố cáo năm 2018

Điểm c khoản 2 Điều 40 của Luật Tố cáo quy định việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng hình thức “Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo”.

Khoản 5 Điều 6 của dự thảo Nghị định quy định thông tin về tố cáo được cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng trong Cơ sở dữ liệu cụ thể: “ Họ tên, địa chỉ của người tố cáo; Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị tố cáo; tóm tắt nội dung tố cáo và tình hình giải quyết tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo; quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo”.

II. CÁC NGHỊ ĐỊNH CÓ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN TRỰC TIẾP

1. Nghị định số 64/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

2. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo năm 2018.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh./.

THANH TRA CHÍNH PHỦ



Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO**Đánh giá tác động một số chính sách của dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh**

Thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ năm 2021, Thanh tra Chính phủ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Thanh tra Chính phủ đánh giá tác động một số chính sách của dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Về vụ việc, thời điểm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu**a) Xác định vấn đề**

Việc xác định những vụ việc nào được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là nội dung rất quan trọng bởi đây chính là “đầu vào” xây dựng nội dung Cơ sở dữ liệu. Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định: “Nhà nước có chính sách, bảo đảm kinh phí đối với hoạt động tiếp công dân, áp dụng công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật khác để xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân phục vụ công tác tiếp công dân” (khoản 1 Điều 33). Cụ thể hóa quy định này, khoản 3 Điều 18 của Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân quy định: “Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để kết nối trên phạm vi cả nước”. Chính vì vậy, việc xác định vụ việc cập nhật phải căn cứ vào phạm vi điều chỉnh đã được quy định tại các văn bản này.

b) Mục tiêu cần đạt được

Việc xác định các vụ việc được cập nhật phải phù hợp với quy định của Luật Tiếp công dân và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định. Đồng thời, phải đảm bảo thiết thực phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; là nguồn để lưu trữ, tra cứu và trích xuất thông tin khi cần thiết trong hoạt động tiếp công dân, xử

lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các cơ quan có thẩm quyền.

c) Phương án để xuất lựa chọn

Trên cơ sở xác định vấn đề và mục tiêu đạt được nêu trên, có một số phương án được đưa ra như sau:

- *Phương án 1:* Loại vụ việc được cập nhật và thời điểm cập nhật, gồm 03 nhóm:

(1) Việc tiếp công dân, xử lý đơn thư; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kiến nghị, phản ánh; vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại, vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật. Nhóm vụ việc này được cập nhật ngay sau khi có thông báo thụ lý, có quyết định thụ lý hay văn bản tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh;

(2) Vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo **kể từ ngày 15/3/2018** đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật thì thực hiện cập nhật trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật;

(3) Vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài không thuộc các trường hợp trên được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ thì thực hiện cập nhật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

- *Phương án 2:* các vụ việc được cập nhật bao gồm:

(1) Việc tiếp công dân, xử lý đơn thư; việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người kiến nghị, phản ánh; vụ việc khiếu nại có thông báo thụ lý khiếu nại, vụ việc tố cáo có quyết định thụ lý giải quyết tố cáo kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

(2) Vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo **kể từ ngày 01/7/2012** đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật

(3) Vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài không thuộc các trường hợp trên được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ.

d) Đánh giá tác động của phương án

- *Phương án 1.* Đối với nhóm vụ việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật, vụ việc tố cáo đã có kết luận nội dung tố cáo trước ngày Nghị định này đã có hiệu lực pháp luật (Nhóm 2), thì thời điểm cập nhật kể từ ngày 15/3/2018: Việc quy định lựa chọn thời điểm này nhằm đảm bảo công tác lưu trữ, tra cứu vụ việc phục vụ công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được khả thi, phù hợp thực tiễn và vẫn

đảm bảo công tác quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực, hiệu quả. Việc lựa chọn mốc thời gian ngày 15/3/2018 là phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ ngày 15/3/2018 là thời điểm Cơ sở dữ liệu quốc gia đã được Thanh tra Chính phủ xây dựng, đưa vào sử dụng trên toàn quốc và có 81/93 bộ, ngành, địa phương đã và đang cập nhật các vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo từ thời điểm 15/3/2018 cho đến nay. Riêng đối với vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài vẫn được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ mà không phụ thuộc vào mốc thời gian (Nhóm 3).

- *Phương án 2*: Việc cập nhật các vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo kể từ ngày 01/7/2012. Việc lựa chọn mốc thời gian ngày 01/7/2012 là thời điểm Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2011 có hiệu lực. Tuy nhiên, Thanh tra Chính phủ thấy rằng nếu quy định từ mốc thời gian này đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn bởi thời gian quá dài, số lượng hồ sơ và thông tin vụ việc trong suốt 10 năm sẽ rất lớn, các cơ quan có trách nhiệm cập nhật sẽ gặp khó khăn về nhân lực, phát sinh kinh phí lớn để thực hiện việc này. Hơn nữa, trong số đó rất nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết dứt điểm nên không nhất thiết phải cập nhật toàn bộ. Mặt khác, Luật Tố cáo năm 2018 có hiệu lực từ 01/01/2019 đã thay thế Luật Tố cáo năm 2011; còn những vụ việc thuộc diện phức tạp, kéo dài thì đã được cập nhật theo hướng dẫn, yêu cầu của Thanh tra Chính phủ mà không phụ thuộc vào mốc thời gian cập nhật (Nhóm 3).

Với đánh giá tác động về nhân lực, kinh phí, thời gian, hiệu quả khi lựa chọn phương án về vụ việc, thời điểm cập nhật, Thanh tra Chính phủ đã lựa chọn Phương án 1 và đã thể hiện tại Điều 7, Điều 8 của dự thảo Nghị định.

2. Về trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp

a) Xác định vấn đề

Việc xác định trách nhiệm của các chủ thể có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu. Theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Thanh tra Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi cả nước, đồng thời cũng là cơ quan có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các vụ việc thuộc phạm vi thẩm quyền của mình. Vì vậy, Điều 10 của dự thảo Nghị định quy định Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quản trị hệ thống Cơ sở dữ liệu; cập nhật thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là các cơ quan vừa có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giải quyết

tố cáo, vừa có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình. Điều 11 của dự thảo Nghị định quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan này. Điều 12 của Dự thảo quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp trong việc giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu.

b) Mục tiêu cần đạt được

Cần quy định rõ và cá thể hóa trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia. Việc xác định trách nhiệm của các chủ thể phải đảm bảo tính khả thi, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Phương án để xuất lựa chọn

Phương án 1: Quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp trong việc “Giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tổ chức việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương mình.

Phương án 2: Quy định trách nhiệm của Ban Tiếp công dân các cấp có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Việc quy định này nhằm đảm bảo phù hợp với Luật Tiếp công dân.

d) Đánh giá tác động của phương án

Theo quy định của pháp luật về thanh tra, cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nội dung chủ yếu và quan trọng của Cơ sở dữ liệu này là các thông tin, dữ liệu về khiếu nại, tố cáo. Do đó, việc quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra trong việc tổ chức cập nhật, khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu là phù hợp với thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra. Đồng thời, tùy vào điều kiện, tình hình của địa phương, đối với thông tin, dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, cơ quan thanh tra các cấp có thể tổ chức, phối hợp với Ban Tiếp công dân cùng cấp cập nhật. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn phương án 1 và thể hiện tại Điều 12 của Dự thảo.

3. Về thẩm quyền, phạm vi khai thác Cơ sở dữ liệu

a) Xác định vấn đề

Việc xác định cơ quan nào có thẩm quyền khai thác, yêu cầu cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu là rất quan trọng bởi điều này giúp phát huy tác dụng, hiệu quả thiết thực của Cơ sở dữ liệu trong hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Giúp cho các hoạt động này được thông suốt, cập nhật kịp thời tình trạng đơn thư, khiếu nại, tố cáo; giúp hạn chế tối đa tình trạng đơn thư lồng vòng, tràn lan, vượt cấp, kéo dài gây lãng phí nguồn lực và thời gian của các cơ quan quản lý nhà nước và người dân.

b) *Mục tiêu cần đạt được*

Việc xác định các cơ quan có thẩm quyền khai thác Cơ sở dữ liệu, yêu cầu cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu phải đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu trích xuất thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Tuy nhiên, cũng phải đáp ứng yêu cầu về bảo mật thông tin, bảo vệ người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh theo quy định của pháp luật; tránh tình trạng để lộ lọt thông tin gây bất lợi cho họ.

c) *Phương án để xuất lựa chọn*

Phương án 1 quy định:

Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Bên cạnh đó, để phục vụ công tác quản lý, giám sát về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, dự thảo Nghị định quy định cụ thể các chủ thể được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu, bao gồm:

+ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ, các Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

+ Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của đảng ở Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Ban Dân nguyện, Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi toàn quốc;

+ Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy và các Ban thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật.

- Phương án 2: Quy định Cơ sở dữ liệu được dùng chung cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có nhu cầu khai thác nhằm đảm bảo phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin và thuận lợi trong việc tra cứu thông tin trước khi xử lý đơn, hạn chế việc chuyển đơn trùng lắp.

d) Đánh giá tác động của phương án

Việc phân định về thẩm quyền, phạm vi khai thác thông tin là rất cần thiết để tránh sự chồng chéo, đồng thời bảo vệ thông tin cá nhân của những người có liên quan theo quy định của pháp luật, đặc biệt là đảm bảo bí mật thông tin cá nhân của người tố cáo. Thanh tra Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền khai thác, cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu trong phạm vi toàn quốc; các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình; các cơ quan, người có thẩm quyền khác được quyền yêu cầu cung cấp thông tin trong phạm vi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn để phục vụ cho việc giám sát công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo,... Việc phân định này là phù hợp với thực tiễn về phân cấp quản lý hiện nay và cũng không trái với quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. Do vậy, Thanh tra Chính phủ lựa chọn phương án 1 và thể hiện tại Điều 14 của Dự thảo.

4. Đánh giá tác động về thủ tục hành chính, tổ chức, biên chế, kinh phí

- Dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không làm phát sinh thủ tục hành chính mới trong quá trình tổ chức thực hiện; không làm phát sinh tổ chức, biên chế vì việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cập nhật, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu này do chính các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã và đang thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thực hiện.

- Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu có làm phát sinh kinh phí nhưng chỉ riêng đối với Thanh tra Chính phủ - cơ quan có trách nhiệm tổ chức xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật của hệ thống Cơ sở dữ liệu. Hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu này đã được Thanh tra Chính phủ xây dựng và bước đầu đưa vào sử dụng. Khi hệ thống được đưa vào sử dụng trên toàn quốc sẽ giúp tiết kiệm được đáng kể thời gian, công sức cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện việc tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên toàn quốc do tin học hóa các quy trình nhập và tra cứu dữ liệu, dần dần thay thế việc nhập và quản lý dữ liệu bằng bản giấy.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.


THANH TRA CHÍNH PHỦ



Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương về
Dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp
công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh**

Thực hiện chương trình công tác năm 2021 của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, Thanh tra Chính phủ có Công văn số 1267/TTCP-PC gửi dự thảo Nghị định để lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương. Tính đến ngày 04/10/2021, Thanh tra Chính phủ đã nhận được văn bản góp ý của 80 cơ quan (22 bộ, ngành, cơ quan và 58 địa phương). Nhìn chung, các Bộ, ngành, địa phương đều nhất trí về sự cần thiết và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, đồng thời cũng tham gia góp ý nhiều nội dung cụ thể. Sau đây là tổng hợp các nhóm ý kiến:

1. Về xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu (Mục 1 Chương II)**1.1. Về thông tin được cập nhật (Điều 6)**

- Có nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc bỏ việc cập nhật thông tin “Họ, tên, địa chỉ của người tố cáo” tại điểm a, khoản 5 Điều 6 để đảm bảo việc giữ bí mật thông tin người tố cáo theo quy định pháp luật (*Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Ủy ban Dân tộc, tỉnh Tây Ninh, Khánh Hòa, Long An, Kom Tum, Bình Thuận, Đồng Nai, Hậu Giang, Bắc Giang...*).

- Có nhiều ý kiến đề nghị bổ sung, chỉnh lý các thông tin phải cập nhật theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCP hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung các thông tin được cập nhật, như sau:

+ Đối với thông tin về tiếp công dân (Khoản 1): Các ý kiến đề nghị sửa “Tên công dân” thành “Họ tên, địa chỉ của công dân” và bổ sung “Nội dung thông tin người tiếp công dân”, “Kết quả tiếp công dân”, “Thông tin ngày tiếp công dân” (*Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ GTVT, Thông tấn xã, tp Hải Phòng, tỉnh Ninh Bình, Phú Thọ, Kon Tum, Kiên giang, Hưng Yên, Đồng Nai, Hải Dương...*).

+ Đối với thông tin về xử lý đơn thư (Khoản 2): Các ý kiến đề nghị bổ sung “Tóm tắt nội dung đơn thư”, “Kết quả xử lý”, “Số đơn không đủ điều kiện xử lý”, “Đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết”, “Số đơn trả lại và hướng dẫn gửi đơn”, “Số đơn rút”, “Số đơn xếp lưu” “Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận đơn” (*Ủy ban Dân tộc, Bộ VH, TT và DL, Bảo hiểm xã hội, Bộ GTVT, tỉnh Bắc Cạn, Lai Châu, Nghệ An, Sơn La, Đắc Lắc, Bến Tre, Sơn La...*)

+ Đối với thông tin về kiến nghị, phản ánh (Khoản 3): Các ý kiến đề nghị sửa “Họ tên, địa chỉ của người kiến nghị, phản ánh” thành “Thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị, phản ánh”, và bổ sung thông tin “Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh”, “Ngày nhận đơn (*Bảo hiểm xã hội, Bộ GTVT, tỉnh Đăk Lăk, Ninh Bình, Bến Tre, Sơn La, Đồng Nai, Hải Dương, Đà Nẵng, Thái Bình...*)

+ Đối với thông tin về khiếu nại, tố cáo (Khoản 4, 5): Các ý kiến đề nghị bổ sung “tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại”, “Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo”, “Kết quả giải quyết khiếu nại”, “kết quả tiếp, đối thoại sau giải quyết”, “Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại”, “Quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo”, “họ tên, địa chỉ người được ủy quyền”, “ngày nhận đơn”, “thời gian, quá trình giải quyết khiếu nại/tố cáo”, “công chức bị kỷ luật vi phạm quy định về giải quyết khiếu nại/tố cáo” (*Bảo hiểm xã hội, tỉnh Kiên Giang, Bến Tre, Sơn La, tp Hải Phòng, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Hải Dương, Nghệ An...*).

+ Đối với các loại báo cáo và các số liệu thống kê khác (Khoản 6): Có một số ý kiến đề nghị không quy định vì Thông tư số 02/2021/TT-TTCP đã quy định các loại báo cáo này và được cập nhật, lưu trữ trên phần mềm “Hệ thống báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng” (*Bộ VH, TT và DL, Bộ GTVT, Bộ TTTT, tp Hải Phòng*) hoặc sửa lại là “Báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về tiếp công dân...” để phù hợp với quy định chế độ báo cáo tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (*tỉnh Bình Định*).

1.2. Vụ việc được cập nhật (Điều 7)

- Có nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc lựa chọn quy định mốc thời gian cập nhật các vụ việc đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, vụ việc đã có kết luận nội dung tố cáo trước ngày Nghị định này có hiệu lực (đoạn 1, khoản 2 Điều 7 Dự thảo quy định cập nhật từ ngày 01/7/2012 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực). Cụ thể: có nhiều ý kiến đề nghị cập nhật các vụ việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành bởi lẽ việc cập nhật các hồ sơ và thông tin đã giải quyết từ năm 2012 đến nay sẽ gặp rất nhiều khó khăn, do không có nhân lực thực hiện (*Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, tỉnh Vĩnh Long, Phú Thọ, Kiên Giang, tp Hải Phòng, Hải Dương, Lâm Đồng, Sơn La*); có một số ý kiến đề nghị lấy mốc thời gian là từ ngày 15/3/2018 (ngày văn bản của Thanh tra Chính phủ yêu cầu sử dụng CSDL quốc gia về khiếu nại, tố cáo do Thanh tra Chính phủ đã xây dựng) (*Bộ GDĐT, tỉnh Long An, Hà Giang, Bình Dương, Sóc Trăng*); có ý kiến đề nghị lấy mốc thời gian từ ngày 01/7/2015 (tỉnh Nghệ An); có ý kiến đề nghị lấy mốc thời điểm từ ngày 01/01/2020 vì mốc thời điểm này là bắt đầu nhiệm kỳ 2020-2025 (*tỉnh Bình Phước*).

- Có một số ý kiến đề nghị lược bỏ quy định cập nhật dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực (đoạn 2, khoản 2 Điều 7), mà chỉ nên quy định cập nhật như khoản 1 Điều 7, bởi vì Thông tư số 09/2011/TT-BNV của Bộ Nội

vụ quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức không có tài liệu về tiếp công dân, xử lý đơn thư, xử lý kiến nghị, phản ánh và trước đó các bộ, ngành, địa phương đã cập nhật vào CSDL và báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và Thông tư 02/2021/TT-TTCP cũng không có yêu cầu theo dõi, tổng hợp kết quả xử lý đơn kiến nghị, phản ánh (*Bộ Văn hóa, TT và DL, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính*), hoặc chỉ nên áp dụng đối với vụ việc, đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và cập nhật đối với những vụ việc đủ điều thụ lý (*Bộ Xây dựng, tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa*).

1.3. Thời điểm nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu (Điều 8)

- Đối với vụ việc quy định tại khoản 1 Điều 7: Có một số ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể thời gian trong bao nhiêu ngày thì phải cập nhật (khoản 2 Điều 8) để dễ thực hiện (*Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Đồng Tháp*).

- Đối với vụ việc khiếu nại, tố cáo cập nhật kể từ ngày 01/7/2012 đến trước ngày Nghị định có hiệu lực: Có một số ý kiến đề nghị quy định tăng thời gian cập nhật tại khoản 2 Điều 8 từ 9 tháng lên 12 tháng (*Bảo hiểm Xã hội, tp Đà Nẵng, tỉnh Ninh Bình, Bến Tre, Đồng Nai, Bắc Giang, Lạng Sơn, Tiền Giang*) hoặc lên 18 tháng (*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*) hoặc cân nhắc thời điểm cập nhật vì rất nhiều vụ việc phải cập nhật trong gần 10 năm (*tp. Hà Nội, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỉnh Bình Dương*); có ý kiến đề nghị không quy định thời gian cụ thể ngay trong Nghị định này (*tỉnh Đắk Nông*) hoặc quy định theo hướng cơ quan có trách nhiệm tổ chức cập nhật kể từ khi được Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện (*Tỉnh Vĩnh Long, Khánh Hòa*); có ý kiến đề nghị bỏ quy định này vì Thông tư 07/2014/TT-TTCP quy định thời hạn lưu trữ các loại đơn nêu tại khoản 1 điều này là 01 năm, việc tiêu hủy đơn do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định nên không đầy đủ dữ liệu để cập nhật.

2. Trách nhiệm quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu (Mục 2 Chương II)

2.1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh (Điều 16)

Có một số ý kiến đề nghị quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu, chứ không chỉ quy định cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật, phù hợp với phân cấp quản lý, phần mềm đang sử dụng và đảm bảo tính kịp thời trong quá trình nhập dữ liệu, không làm lộ danh tính người tố cáo (*Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Sơn La*).

2.2. Về thẩm quyền, phạm vi khai thác (Điều 17)

- Có một số ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền, phạm vi khai thác CSDL của cấp huyện vì tại Điều 14 Dự thảo có quy định cấp huyện có trách nhiệm cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin (*Tp Hà Nội, tỉnh Bình Phước, Lai Châu*).

- Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định “Các cơ quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin, vụ việc được khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình” là hẹp, không thuận lợi trong việc tra cứu thông tin trước khi xử lý đơn, hạn chế việc chuyển đơn trùng lắp. Cơ sở dữ liệu cần được dùng chung cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có nhu cầu khai thác (*Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Thanh Hóa*).

- Có nhiều ý kiến đề nghị quy định chi tiết tại điểm d, khoản 2 Điều 17 để áp dụng thống nhất (*Bộ Xây dựng, tỉnh Long An, Thanh Hóa, tỉnh Hà Tĩnh..*).

2.3. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra các cấp

Có một số ý kiến đề nghị xem xét lại việc quy định trách nhiệm của cơ quan thanh tra nhà nước các cấp tại Điều 15 và Điều 19 Dự thảo, bởi vì theo quy định của Luật Tiếp công dân, các trách nhiệm này thuộc Ban Tiếp công dân (*Tỉnh Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Lào Cai, Thanh Hóa*).

Ngoài ra, các ý kiến góp ý đơn giản, chủ yếu về cách diễn đạt, việc sử dụng câu, từ ... (có Phụ lục kèm theo)./.

THANH TRA CHÍNH PHỦ